

Bản án số: 37/2024/HS-PT
Ngày 26-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Duy Thạch

Ông Nguyễn Hồng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 03 năm 2024 đối với các bị cáo Mai Văn N, Trần Ngọc T, Trần Thị Hồng N1 và Phạm Văn Đ, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2024/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Văn N, sinh ngày 29 tháng 08 năm 1988 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn C và bà Bùi Thị D; có vợ Đặng Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 64/2023/HSST ngày 06/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày Công an huyện An Dương bắt ngày 16/4/2023, được trừ đi những ngày tạm giữ, tạm giam tại Công an tỉnh Quảng Ninh từ ngày 27/7/2022 đến 21/10/2022; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/4/2023, đến ngày 25/4/2023 chuyển tạm giam; có mặt

2. Trần Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1977 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn HT xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T1 và bà Đỗ Thị H1; có vợ Bùi Thị H2 và có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 64/2023/HSST ngày 06/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày Công an huyện An Dương bắt ngày 16/4/2023, được trừ đi những ngày tạm giữ, tạm giam tại Công an tỉnh Quảng Ninh từ ngày 27/7/2022 đến 21/10/2022; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/4/2023, đến ngày 25/4/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Trần Thị Hồng N1, sinh ngày 29 tháng 05 năm 1978 tại Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ X thị trấn AD, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quyết T2 và bà Trần Thị G; có chồng Nguyễn Xuân P (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 01 ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương xử phạt tiền 20.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Chấp hành xong hình phạt ngày 20/3/2019, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/01/2019; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/4/2023, đến ngày 25/4/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Phạm Văn Đ, sinh ngày 23 tháng 03 năm 1962 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số nhà AB đường CDF, thôn AD, xã AĐ, huyện A thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P1 và bà Nguyễn Thị N2; có vợ Trần Thị H3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 58/HSST ngày 12/3/1993, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 4 năm tù về tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa; Bản án số 01 ngày 15/01/2019, Tòa án nhân dân huyện An Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc, đã thi hành xong án phí ngày 15/01/2019; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16/4/2023, đến ngày 25/4/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 16/4/2023, tổ công tác Công an huyện An Dương phát hiện bắt quả tang tại nơi ở của Chu Văn K ở tổ Y, thị trấn AD, huyện A, thành phố Hải Phòng, Đặng Ngọc T3 đã có hành vi dùng nhà ở của Chu Văn K tổ chức cho Vũ Thị H4, Nguyễn Văn M, Dương Văn S, Trần Văn Đ1, Vũ Văn H5, Vũ Thị L, Phạm

Văn Đ, Lê Thanh T4, Vũ Doãn H6, Đỗ Văn Q, Trần Thị Hồng N1, Mai Văn N, Đào Văn T5, Trần Ngọc T, Đỗ Thành S, Nguyễn Viết H7 đánh xóc đĩa được thua bằng tiền.

Đặng Ngọc T3 khai đã thống nhất bàn với Chu Văn K để T3 dùng nhà ở của K đánh bạc. Lưu Đức B làm nhiệm vụ chỉ dẫn, trông xe cho các đối tượng đến đánh xóc đĩa. Ngày 17/4/2023, K, B bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Ngọc T3, Chu Văn K, Lưu Đức B, Vũ Thị H4, Nguyễn Văn M, Dương Văn S, Trần Văn Đ1, Vũ Văn H5, Vũ Thị L, Phạm Văn Đ, Lê Thanh T4, Đỗ Văn Q, Trần Thị Hồng N1, Mai Văn N, Đào Văn T5, Trần Ngọc T, Đỗ Thành S, Nguyễn Viết H7, Vũ Doãn H6 khai nhận: Khoảng đầu tháng 3/2023, Đặng Ngọc T3 và Chu Văn K gặp nhau và bàn bạc, thống nhất về việc T3 và K sẽ cùng nhau sử dụng nhà của K, ở Tổ Y, thị trấn AD để tổ chức đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa ăn tiền, thu lời bất chính. T3 là người tìm người đến để đánh bạc, chuẩn bị bát, đĩa sứ và dụng cụ cắt quân vị, thu tiền hồ từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/01 người đánh bạc. Khi có người có nhu cầu vay tiền để đánh bạc thì K đưa tiền cho T3 để cho các con bạc vay. Hết ngày tổ chức đánh bạc, T3 đưa K toàn bộ số tiền đánh bạc theo ngày để K quản lý. T3 thuê B làm nhiệm vụ chỉ dẫn, sắp xếp xe, dọn dẹp, phục vụ nước, thuốc và đồ ăn cho các đối tượng đến đánh bạc được trả công 500.000 đồng/1 ngày tổ chức đánh bạc.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/4/2023, B đến nhà K mở cửa, dọn dẹp, đun nước để phục vụ đánh bạc. Khi T3 đến, thấy B đã chuẩn bị xong nên T3 đã gọi điện thoại cho Vũ Thị L, Mai Văn N, Nguyễn Văn M, Trần Ngọc T, Phạm Văn Đ, Đỗ Thành S, Vũ Thị H4, Trần Văn Đ1 đến nhà K để đánh bạc, các đối tượng đồng ý. Sau đó, Trần Văn Đ1 rủ Trần Thị Hồng N1; Nguyễn Văn M rủ thêm Đỗ Văn Q, Lê Thanh T4; Trần Ngọc T rủ thêm Dương Văn S đến nhà K để đánh bạc, N1, Q, T4, S đồng ý. Cùng ngày, Đào Văn T5 gọi điện cho Trần Văn Đ1 được biết chiều 16/4/2023 tại nhà K có tổ chức đánh bạc nên T5 đã gọi điện rủ Vũ Doãn H6, Nguyễn Viết H7 cùng đến nhà K để đánh bạc, Doãn H6, H7 đồng ý. Vũ Văn H5 rủ Vũ Văn A, sinh năm 1988, ở thôn N, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng đến nhà K để đánh bạc, nhưng khi đến nơi An chỉ đứng xem, không tham gia.

Khi Vũ Thị H4, Nguyễn Văn M, Dương Văn S, Trần Văn Đ1, Vũ Văn H5, Vũ Thị L, Phạm Văn Đ, Lê Thanh T4, Vũ Doãn H6, Đỗ Văn Q, Trần Thị Hồng N1, Mai Văn N, Đào Văn T5, Trần Ngọc T, Đỗ Thành S, Nguyễn Viết H7 đến nhà K, Lưu Đức B đã xếp xe, hướng dẫn cho các đối tượng lên tầng hai của nhà K để đánh bạc, đồng thời thông báo số lượng người đến đánh bạc cho K biết để thu tiền hồ. Sau đó, B trông xe, chuẩn bị nước phục vụ đám bạc. Khi các đối tượng đã lên tầng 2, T3 khóa cửa nhà để tổ chức đánh bạc. T3 chuẩn bị 01 chiếc bát, 01 chéck đĩa sứ màu trắng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và dụng cụ để cắt quân vị. Đ1 đã cắt 04 quân vị

hình tròn từ bài tứ lơ khơ. Các đối tượng thống nhất đánh xóc đĩa chắn lẻ, tiền đặt cược thấp nhất là 500.000 đồng, cao nhất không hạn chế. Người đánh đặt tiền vào một trong hai cửa chắn và lẻ. Sau khi đặt tiền xong thì người xóc cái mở bát, nếu là lẻ (tức là ra 03 quân bài vị ngựa và 01 quân bài vị úp hoặc 03 quân bài vị úp và 01 quân bài vị ngựa) thì bên đặt cửa lẻ sẽ được tiền của bên cửa đặt cửa chắn và ngược lại, nếu ra chắn (tức là ra 04 quân bài vị đều ngựa hoặc 04 quân bài vị đều úp hoặc 02 quân bài vị ngựa và 02 quân bài vị úp) thì bên đặt cửa chắn sẽ được tiền của bên đặt cửa lẻ. Sau đó, T4 xóc đĩa để mọi người và T4 đánh với nhau. T4 xóc cái được khoảng 20 phút thì chuyển cho T5, T5 xóc đĩa cho các đối tượng đánh bạc đến khi bị Công an huyện An Dương kiểm tra bắt quả tang. Quá trình các đối tượng đánh bạc, T3 thu tiền hồ của L, H4, M mỗi người 500.000 đồng; thu của Vũ Doãn H6, Dương Văn S, N, N1, Đ, H7 mỗi người 1.000.000 đồng. Tổng số tiền T3 thu hồ là 7.500.000 đồng.

Về số tiền sử dụng để đánh bạc: Chu Văn K đưa cho Đặng Ngọc T3 17.000.000 đồng để cho các đối tượng đánh bạc vay lấy lãi. Vũ Thị L mang theo 35.500.000 đồng, Nguyễn Văn M mang theo 20.800.000 đồng, Trần Ngọc T mang theo 2.700.000 đồng, Phạm Văn Đ mang theo 15.360.000, Đỗ Thành S mang theo 15.254.000 đồng, Trần Văn Đ1 mang theo 9.920.000 đồng, Đỗ Văn Q mang theo khoảng 19.000.000 đồng, Lê Thanh T4 mang theo 17.770.000 đồng, Nguyễn Viết H7 mang theo 17.000.000 đồng, Vũ Văn H5 mang theo 2.120.000 đồng, Dương Văn S mang theo 10.000.000 đồng để đánh xóc đĩa. Trần Thị Hồng N1 mang theo 50.550.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 5.000.000 đồng để đánh xóc đĩa. Vũ Thị H4 mang theo 49.460.000 đồng, H4 trả nợ cho Nhung 6.000.000 đồng, cho T3 vay 7.000.000 đồng, còn lại 36.460.000 đồng để đánh xóc đĩa. Đào Văn T5 khi đi đánh xóc đĩa không mang theo tiền, T5 đã vay của Vũ Doãn H6 5.000.000 đồng. Vũ Doãn H6 mang theo 16.585.000 đồng để đánh xóc đĩa, đã cho Thái vay 5.000.000 đồng, còn 11.585.000 đồng. Mai Văn N không mang theo tiền đã vay của Đặng Ngọc T3 20.000.000 đồng để đánh xóc đĩa. Tổng số tiền các đối tượng dùng đánh xóc đĩa là 243.489.000 đồng.

Lê Thanh T4, Đào Văn T5 thay nhau xóc cái và đặt tiền đánh nhiều ván. Vũ Thị H4, Nguyễn Văn M, Dương Văn S, Trần Văn Đ1, Vũ Văn H5, Vũ Thị L, Phạm Văn Đ, Lê Thanh T4, Đỗ Văn Q, Trần Thị Hồng N1, Mai Văn N, Đào Văn T5, Trần Ngọc T, Đỗ Thành S, Nguyễn Viết H7, Vũ Doãn H6 đã đặt tiền đánh bạc nhiều ván, đến 17 giờ thì bị Công an bắt giữ. Khi bị bắt quả tang, Lê Thanh T4 thắng 15.000.000 đồng; Vũ Thị L thua 5.000.000 đồng; Trần Ngọc T thua 2.700.000 đồng; Trần Văn Đ1 thắng 1.200.000 đồng; Vũ Thị H4 thua 1.500.000 đồng; Đào Văn T5 thua 5.000.000 đồng; Vũ Doãn H6 thắng 3.500.000 đồng; Mai Văn N thua 19.000.000 đồng; Trần Thị Hồng N1 thua 4.000.000 đồng; Đỗ Thành S thắng 5.000.000 đồng; Vũ Văn H5 thắng 500.000 đồng; Nguyễn Văn M thua 2.000.000 đồng; Đỗ Văn Q

thua 9.000.000 đồng; Dương Văn S thua 7.000.000 đồng; Phạm Văn Đ thắng 18.000.000 đồng; Nguyễn Viết H7 thắng 17.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, phục hồi và trích xuất dữ liệu hình ảnh có trong đầu thu Camera nhãn hiệu HIK VISION. Tại bản kết luận giám định số 596/KTHS, ngày 06/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Ổ cứng nhãn hiệu Seagate, số SN: W382HQLM gắn trong đầu thu Camera, nhãn hiệu HIK VISION, số SN: F69792555 bị hỏng, không đọc được dữ liệu nên không trích xuất được dữ liệu.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận việc tham gia cũng như hành vi của mình như trên; đồng ý với kết luận giám định; không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ 01 bát, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn; 01 quân bài 6 tép (trên quân bài khuyết 04 lỗ hình tròn), 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIK VISION, 01 dụng cụ cắt quân vị. Thu giữ tổng số tiền 289.039.000 đồng, trong đó, thu giữ tại vị trí đánh bạc 5.500.000 đồng, của Đặng Ngọc T3 11.520.000 đồng, của Lê Thanh T4 29.770.000 đồng, của Vũ Thị L 29.500.000 đồng, của Trần Văn Đ1 11.120.000 đồng, của Vũ Thị H4 34.460.000 đồng, của Vũ Doãn H6 14.585.000 đồng; của Trần Thị Hồng N1 45.550.000, của Đỗ Thành S 18.554.000 đồng, của Vũ Văn H5 2.620.000 đồng, của Nguyễn Văn M 17.500.000 đồng, của Đỗ Văn Q 6.000.000 đồng, của Dương Văn S 2.000.000 đồng, của Phạm Văn Đ 32.360.000 đồng, của Nguyễn Viết H7 28.000.000 đồng.

Công an huyện An Dương còn thu giữ của Đặng Ngọc T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 14 Pro Max, màu vàng, ốp bằng nhựa, trong ốp có thẻ tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; của Trần Văn Đ1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Pro, màu đen; của Vũ Thị H4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh - xám, ốp sau bằng nhựa màu xanh; của Đào Văn T5 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh; của Vũ Doãn H6 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng; Vũ Doãn H6: 01 Nokia 105 màu xanh; của Mai Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh; của Trần Thị Hồng N1 02 điện thoại di động; của Đỗ Thành S 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S màu đen; của Vũ Văn H5 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám; của Đỗ Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu đen; của Dương Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung S21 màu đen; của Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen; của Nguyễn Viết H7 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng; của Lưu Đức B 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung- Galaxy A7, màu vàng.

Tại Bản án sơ thẩm 01/2024/HS-ST ngày 04/01/2024 Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Căn cứ điểm điểm b khoản 2 Điều 321; các điều 17, 38, 58, khoản 1 Điều 56, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Mai Văn N 39 (Ba mươi chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp với 30 (Ba mươi) tháng tù của Bản án số 64/2023/HSST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thành 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2023, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam tại Công an tỉnh Quảng Ninh từ ngày 27/7/2022 đến 21/10/2022; thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; các điều 17, 38, 55, 58, khoản 1 Điều 56, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Ngọc T 39 (Ba mươi chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp với 36 (Ba mươi sáu) tháng tù của Bản án số 64/2023/HSST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thành 06 (năm) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2023, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam tại Công an tỉnh Quảng Ninh từ ngày 27/7/2022 đến 21/10/2022; thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành.

- Căn cứ vào điểm điểm b khoản 2 Điều 321; các điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Thị Hồng N1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/4/2023 đến ngày 25/4/2023, thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; các điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo: Phạm Văn Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ tính từ ngày 16/4/2023 đến ngày 25/4/2023, thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp ngăn chặn và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2024 bị cáo Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo, ngày 15/01/2024 bị cáo Mai Văn N có đơn kháng cáo, ngày 18/01/2024 bị cáo Trần Thị Hồng N1 có đơn kháng cáo và ngày 19/01/2024 bị cáo Trần Ngọc T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm: Giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được cải tạo ngoài xã hội.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ngày 16/2/2024 bị cáo Mai Văn N có đơn xin rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Văn N giữ nguyên quan điểm rút đơn kháng cáo; bị cáo Trần Ngọc T rút toàn bộ nội dung kháng cáo tại phiên tòa; việc rút kháng cáo của các bị cáo N, T là tự nguyện.

Bị cáo Trần Thị Hồng N1 và Phạm Văn Đ không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo N1 trình bày, bị cáo đã ly hôn, gia đình chỉ có 01 mẹ, 01 con; con bị cáo còn nhỏ (sinh năm 2002) nên bị cáo xin được giảm hình phạt và cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo Đ trình bày bị cáo đã nhiều tuổi, có nhiều bệnh nên xin được giảm hình phạt và cải tạo ngoài xã hội. Các bị cáo thừa nhận lời khai tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là đúng.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo: Các bị cáo Mai Văn N, Trần Ngọc T đã xin rút đơn kháng cáo và việc rút đơn của các bị cáo hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo N và bị cáo T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với bị cáo N1 và bị cáo Đ: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Nhân thân bị cáo N1 đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, bị cáo Đ có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và “Đánh bạc”; tuy tiền án này của các bị cáo đều đã được xóa nhưng thể hiện các bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội đánh bạc nhưng không ăn năn hối cải, tiếp tục có hành vi phạm tội đánh bạc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nhung và Đức, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Mai Văn N, Trần Ngọc T, Trần Thị Hồng N1 và Phạm Văn Đ đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi hành vi đã thực hiện đúng như lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung của bản án sơ thẩm. Ngày 16/4/2023, Chu Văn K cùng Đặng Ngọc T3 đã bàn bạc, thống nhất tổ chức đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà K ở tổ 6, thị trấn An Dương, huyện An Dương để thu tiền. T3 đã thuê Lưu Đức B phục vụ đánh bạc, gọi điện để các đối tượng đến nhà K đánh bạc, chuẩn bị bát, đĩa sứ, 01 bộ tú lơ khơ 52 cây, dụng cụ cắt quân vị cho đối tượng đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, trực tiếp thu tiền hồ 7.500.000 đồng. Lưu Đức B xếp xe, hướng dẫn các đối tượng đến vị trí đánh bạc, thông báo số lượng người đến đánh

bạc, chuẩn bị địa điểm, nước cho các đối tượng đánh bạc. Ngày 16/4/2023 có 16 đối tượng đến đánh bạc, dùng 243.489.000 đồng để đánh bạc. Ngoài ra, Chu Văn K đưa 17.000.000 đồng cho Đặng Ngọc T3 để cho các đối tượng vay đánh bạc. T3 đã dùng 17.000.000 đồng của K đưa cho và 3.000.000 đồng của T3, tổng số là 20.000.000 đồng cung cấp cho Mai Văn N đánh bạc. Lê Thanh T4 sử dụng 17.770.000 để đánh bạc, T4 xóc cái và đánh với mọi người nhiều ván thắng bạc 15.000.000 đồng. Đào Văn T5 sử dụng 5.000.000 đồng vay của Vũ Doãn H6 để đánh bạc, Thái xóc cái và đánh với mọi người nhiều ván, thua 5.000.000 đồng. Vũ Thị L sử dụng 35.500.000 đồng đánh bạc, đánh nhiều ván thua 5.000.000 đồng. Trần Ngọc T sử dụng 2.700.000 đồng đánh bạc, đánh nhiều ván, thua 2.700.000 đồng. Trần Văn Đ1 sử dụng 9.920.000 đồng đánh bạc, đánh nhiều ván thắng bạc 1.200.000 đồng. Vũ Thị H4 sử dụng 43.460.000 đồng để đánh bạc, đánh nhiều ván thua 1.500.000 đồng. Vũ Doãn H6 sử dụng 16.585.000 đồng để đánh bạc, cho T5 vay 5.000.000 đồng, đánh nhiều ván thắng bạc 3.500.000 đồng. Mai Văn N sử dụng 20.000.000 đồng vay của T3 để đánh bạc, đánh nhiều ván thua 19.000.000 đồng. Trần Thị Hồng N1 sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, đánh nhiều ván thua 4.000.000 đồng. Đỗ Thành S sử dụng 15.254.000 đồng để đánh bạc, đánh nhiều ván thua 5.000.000 đồng. Vũ Văn H5 sử dụng 2.120.000 đồng, đánh nhiều ván thắng bạc 500.000 đồng. Nguyễn Văn M sử dụng 20.800.000 đồng, đánh nhiều ván thua 2.000.000 đồng. Đỗ Văn Q sử dụng 15.000.000 đồng để đánh bạc, đánh nhiều ván thua 9.000.000 đồng. Dương Văn S sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc, đánh nhiều ván thua 7.000.000 đồng. Phạm Văn Đ sử dụng 15.360.000 đồng để đánh bạc, đánh nhiều ván thắng bạc 18.000.000 đồng. Nguyễn Viết H7 sử dụng số tiền 17.000.000 đồng, đánh nhiều ván thắng bạc 12.000.000 đồng.

[3] Bị cáo Đặng Ngọc T3 đã sử dụng địa điểm là nhà ở của Chu Văn K để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc với số tiền dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên và tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên; bị cáo Biên với vai trò đồng phạm cùng bị cáo T3. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Đặng Ngọc T3, Lưu Đức B đã đồng phạm tội “Tổ chức đánh bạc” vi phạm điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Ngọc T3 cho Mai Văn N vay tiền để đánh bạc. Các bị cáo Vũ Thị H4, Nguyễn Văn M, Dương Văn S, Trần Văn Đ1, Vũ Văn H5, Vũ Thị L, Phạm Văn Đ, Lê Thanh T4, Đỗ Văn Q, Trần Thị Hồng N1, Mai Văn N, Đào Văn T5, Trần Ngọc T, Đỗ Thành S, Nguyễn Viết H7, Vũ Doãn H6 trực tiếp tham gia đánh với tổng số tiền là 243.489.000 đồng; các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của các bị cáo trong đó có các bị cáo N, T, N1, Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng quy định của pháp luật

- Xét kháng cáo của các bị cáo:

[4] Ngày 16/02/2024, bị cáo Mai Văn N có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo. Tại phiên tòa ngày 26/3/2024 bị cáo Trần Ngọc T xin rút toàn bộ kháng cáo. Việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của các bị cáo N, T mà đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong đồng phạm tội đánh bạc: Bị cáo Vũ Doãn H6 đánh bạc với số tiền lớn và cho bị cáo T5 vay tiền để đánh bạc, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên hình phạt của bị cáo Vũ Doãn H6 phải cao nhất so với các bị cáo khác. Bị cáo T4, T5, H4, N, T, M, Vũ Văn H5 và Đ có vai trò ngang bằng nhau nên xử mức hình phạt bằng nhau và cao hơn hình phạt của các bị cáo còn lại. Bị cáo N1, Đ, L, H7, Đỗ Thành S, Quyết, Dương Văn S có vai trò thấp nhất nên xử phạt mức án ngang bằng nhau là phù hợp.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, nhân thân bị cáo N1 đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, bị cáo Đ có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và “Đánh bạc”; tuy tiền án này của các bị cáo đều đã được xóa nhưng thể hiện các bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội đánh bạc nhưng không ăn năn hối cải, tiếp tục có hành vi phạm tội đánh bạc

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Trần Thị Hồng N1 gia đình có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về mức hình phạt: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Trần Thị Hồng N1, Phạm Văn Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HS-ST ngày 04/1/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo N1, Đ.

[10] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Thị Hồng N1 và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Mai Văn N, Trần Ngọc T rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Mai Văn N, Trần Ngọc T phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HS-ST ngày 04/1/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng liên quan đến các bị cáo Mai Văn N, Trần Ngọc T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Hồng N1 và Phạm Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; các điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Thị Hồng N1 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/4/2023 đến ngày 25/4/2023, thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; các điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo: Phạm Văn Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ tính từ ngày 16/4/2023 đến ngày 25/4/2023, thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Thị Hồng N1 và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Mai Văn N, Trần Ngọc T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HS-ST ngày 04/1/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND huyện huyện An Dương;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu